

**Phụ lục XXVIII**  
**MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ/BẢN CÁO BẠCH**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital  
Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Doanh Nghiệp Hàng  
Đầu VinaCapital ("VINACAPITAL-VEOF")

Số: 2026061/VCFM-VINACAPITAL-VEOF

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 13 tháng 06 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của quỹ đầu tư chứng khoán**

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VINACAPITAL ("VINACAPITAL-VEOF")** như sau:

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Toàn văn bản	SCBVL	SC	Cập nhật tên viết tắt của Ngân hàng giám sát
2.	Toàn văn bản	IICA	IIGA	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
3.	Toàn văn bản	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước	UBCKNN	Sửa để thống nhất trong toàn bộ văn bản
4.	Toàn văn bản		Sửa thống nhất cách viết số và số bằng chữ theo nguyên tắc số viết bằng chữ trước và theo sau là số trong ngoặc đơn	Sửa để thống nhất trong toàn bộ văn bản



STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
5.	Toàn văn bản		Thống nhất cách tham chiếu trong toàn bộ văn bản	Sửa để thống nhất trong toàn bộ văn bản
6.	Toàn văn bản	Tên tiếng Việt: Quỹ đầu tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaCapital Tên tiếng Anh: VinaCapital Equity Opportunity Fund	Tên tiếng Việt: Quỹ đầu tư Cổ Phiếu <b>Doanh Nghiệp Hàng Đầu</b> Hưng Thịnh-VinaCapital Tên tiếng Anh: VinaCapital <b>Leading Enterprise Equity Opportunity Fund</b>	Cập nhật tên của Quỹ.
7.	II. THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	... "Giá mua lại": Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Bản cáo bạch này. ... "Ngày định giá": Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. ... "Thông tin nội bộ": Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 4 Điều 4 Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14 "Người nội bộ": Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14. "Người Có Liên Quan": Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14. ...	... <b>"Mức phòng vệ thanh khoản": Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.</b> "Giá mua lại": Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ <b>tại ngày giao dịch</b> trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Bản cáo bạch này. <b>Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.</b> ... "Ngày định giá": Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định <b>pháp luật tại Luật chứng khoán và, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.</b> ... <del>"Thông tin nội bộ": Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 4 Điều 4 Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14</del> <del>"Người nội bộ": Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14.</del> "Người Có Liên Quan": Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14, <b>hoặc quy định khác thay thế quy định tại khoản 46 Điều 4.</b> ...	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung																																								
8.	IV. THÔNG TIN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL	<p>A. Thông tin về Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital</p> <p>...</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên cổ đông</th> <th>Số lượng cổ phiếu</th> <th>Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey)</td> <td>1.031.800</td> <td>9,38%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Asia Investment &amp; Finance Limited</td> <td>5.242.600</td> <td>47,66%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)</td> <td>4.725.600</td> <td>42,96%</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Tổng cộng</td> <td>11.000.000</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table> <p>...</p> <p>D. Giới thiệu về Ban điều hành Quỹ VINACAPITAL-VEOF</p> <p>...</p> <p>Bà Trần Thảo Nguyên – Người Điều hành Quỹ</p> <p>Bà Nguyên đã có hơn 10 năm công tác tại VinaCapital. Bà hiện phụ trách quản lý quỹ mở cổ phiếu và các danh mục ủy thác đầu tư do VinaCapital quản lý. Trước khi gia nhập VinaCapital, bà có gần 1 năm làm việc tại Ngân hàng ANZ Việt Nam. Bà Nguyên tốt nghiệp xuất sắc cao học chuyên ngành Phân tích Đầu tư và có bằng Cử nhân từ trường đại học Aston, Vương Quốc Anh. Bà đạt chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và chứng chỉ Chuyên viên Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA).</p> <p>E. Thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital</p> <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital ("VINACAPITAL-VFF")</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaCapital ("VINACAPITAL-VEOF")</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital ("VINACAPITAL-VESAF")</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng VinaCapital ("VINACAPITAL-VIBF")</li> </ul> <p>...</p>	STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)	1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey)	1.031.800	9,38%	2	Asia Investment & Finance Limited	5.242.600	47,66%	3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)	4.725.600	42,96%	Tổng cộng		11.000.000	100%	<p>A. Thông tin về Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital</p> <p>...</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên cổ đông</th> <th>Số lượng cổ phiếu</th> <th>Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey)</td> <td>1.031.800</td> <td>9,38%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Asia Investment &amp; Finance Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin)</td> <td>5.242.600</td> <td>47,66%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)</td> <td>4.725.600</td> <td>42,96%</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Tổng cộng</td> <td>11.000.000</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table> <p>...</p> <p>D. Giới thiệu về Ban điều hành Quỹ VINACAPITAL-VEOF</p> <p>...</p> <p>Bà Trần Thảo Nguyên – Người Điều hành Quỹ</p> <p><b>Bà Nguyên là Trưởng phòng đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital.</b> Bà Nguyên đã có hơn 10 năm công tác tại VinaCapital. Bà hiện phụ trách quản lý quỹ mở cổ phiếu và các danh mục ủy thác đầu tư <b>đo</b> của VinaCapital <b>quản lý</b>. Trước khi gia nhập VinaCapital, bà có gần 1 năm làm việc tại Ngân hàng ANZ Việt Nam. Bà Nguyên tốt nghiệp xuất sắc cao học chuyên ngành Phân tích Đầu tư và có bằng Cử nhân từ trường đại học Aston, Vương Quốc Anh. Bà đạt chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và chứng chỉ Chuyên viên Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA).</p> <p>E. Thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital</p> <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu <b>Nâng Cao Bảo</b> Thịnh VinaCapital ("VINACAPITAL-VFF")</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu <b>Doanh Nghiệp Hàng Đầu Hưng Thịnh</b> VinaCapital ("VINACAPITAL-VEOF")</li> <li>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu <b>Tăng Trưởng Chiến Lược Tiếp Cận Thị Trường</b> VinaCapital ("VINACAPITAL-VESAF")</li> </ul>	STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)	1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey)	1.031.800	9,38%	2	Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin)	5.242.600	47,66%	3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)	4.725.600	42,96%	Tổng cộng		11.000.000	100%	Cập nhật thông tin công ty quản lý quỹ
STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)																																									
1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey)	1.031.800	9,38%																																									
2	Asia Investment & Finance Limited	5.242.600	47,66%																																									
3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)	4.725.600	42,96%																																									
Tổng cộng		11.000.000	100%																																									
STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)																																									
1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey)	1.031.800	9,38%																																									
2	Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin)	5.242.600	47,66%																																									
3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)	4.725.600	42,96%																																									
Tổng cộng		11.000.000	100%																																									

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung																																				
		<p>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital ("VINACAPITAL-VDEF")</p> <p>- Quỹ ETF hoán đổi danh mục VINACAPITAL VN100;</p> <p>...</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Doanh thu (VNĐ)</th> <th>Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>341.442.141.509</td> <td>77.736.398.493</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>284.397.953.007</td> <td>(5.989.289.971)</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>268.692.305.261</td> <td>1.081.910.567</td> </tr> <tr> <td>2024</td> <td>366.526.079.289</td> <td>48.759.490.424</td> </tr> <tr> <td>6T-2025 (*)</td> <td>180.657.247.401</td> <td>317.012.615</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Số liệu theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, đã soát xét.</p> <p>...</p>	Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	2021	341.442.141.509	77.736.398.493	2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)	2023	268.692.305.261	1.081.910.567	2024	366.526.079.289	48.759.490.424	6T-2025 (*)	180.657.247.401	317.012.615	<p>- Quỹ Đầu Tư Cân Bằng <del>Gắn Kết Tuệ Sáng</del> VinaCapital ("VINACAPITAL-VIBF")</p> <p>...</p> <p>- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu <del>Cơ Hội Tiên Phong Cổ Tức Năng Động</del> VinaCapital ("VINACAPITAL-VDEF")</p> <p>- Quỹ ETF hoán đổi danh mục VINACAPITAL VN100;</p> <p>- <b>Quỹ ETF VinaCapital VNMITECH;</b></p> <p>- <b>Quỹ ETF VinaCapital VN50 GROWTH;</b></p> <p>...</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Doanh thu (VNĐ)</th> <th>Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>341.442.141.509</td> <td>77.736.398.493</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>284.397.953.007</td> <td>(5.989.289.971)</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>268.692.305.261</td> <td>1.081.910.567</td> </tr> <tr> <td>2024</td> <td>366.526.079.289</td> <td>48.759.490.424</td> </tr> <tr> <td>2025</td> <td>403.174.866.460</td> <td>23.195.316.866</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Số liệu theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, đã soát xét.</p> <p>...</p>	Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	2021	341.442.141.509	77.736.398.493	2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)	2023	268.692.305.261	1.081.910.567	2024	366.526.079.289	48.759.490.424	2025	403.174.866.460	23.195.316.866	
Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)																																						
2021	341.442.141.509	77.736.398.493																																						
2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)																																						
2023	268.692.305.261	1.081.910.567																																						
2024	366.526.079.289	48.759.490.424																																						
6T-2025 (*)	180.657.247.401	317.012.615																																						
Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)																																						
2021	341.442.141.509	77.736.398.493																																						
2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)																																						
2023	268.692.305.261	1.081.910.567																																						
2024	366.526.079.289	48.759.490.424																																						
2025	403.174.866.460	23.195.316.866																																						
9.	VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN	Hàng năm, VinaCapital sẽ đề xuất ít nhất hai (02) Công ty Kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận cho Ban Đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư.	Hàng năm, VinaCapital sẽ đề xuất ít nhất hai (02) Công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận <b>và thỏa mãn các điều kiện nêu tại Điều lệ Quỹ để trình Đại hội Nhà đầu tư</b> cho Ban Đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.																																				
10.	VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	Tùy theo nhu cầu của thị trường, chiến lược phân phối và quy mô của Quỹ VINACAPITAL-VEOF, VinaCapital sẽ lựa chọn và ký hợp đồng phân phối với đại lý phân phối và/hoặc Đại lý ký danh theo đúng quy định. ...	Tùy theo nhu cầu của thị trường, chiến lược phân phối và quy mô của Quỹ VINACAPITAL-VEOF, VinaCapital sẽ lựa chọn và ký hợp đồng phân phối với đại lý phân phối và/hoặc Đại lý ký danh theo đúng quy định. <b>Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ danh sách Đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý phân phối.</b> ...	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.																																				

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
11.	<p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p>2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ</p>	<p>a) Mục tiêu đầu tư</p> <p>Mục tiêu đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VEOF là tìm kiếm, nắm bắt các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán, hướng đến tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà đầu tư.</p> <p>b) Chiến lược đầu tư</p> <p>Chiến lược đầu tư của Quỹ đầu tư VINACAPITAL-VEOF được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa vào phân tích, đánh giá yếu tố kinh tế vĩ mô, yếu tố thị trường và chu kỳ kinh tế. Chiến lược đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VEOF bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào (1) cổ phiếu có vốn hóa lớn, mang tính đại diện cho ngành, nghề trong nền kinh tế; (2) cổ phiếu của các công ty có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong 1 đến 3 năm tới; (3) cổ phiếu đang bị định giá thấp; (4) cổ phiếu có lợi tức cao, ổn định.</p> <p>Những giai đoạn khác nhau sẽ có những cơ hội đầu tư khác nhau và từ đó chiến lược đầu tư sẽ được thay đổi phù hợp để không bỏ lỡ cơ hội gia tăng lợi nhuận cho Quỹ.</p> <p>Công ty Quản lý Quỹ và người điều hành Quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế đầu tư và chính sách đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF.</p> <p>c) Tài sản được phép đầu tư</p> <p>...</p> <p>iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>v. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;</p>	<p>a) Mục tiêu đầu tư</p> <p><del>Mục tiêu đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VEOF là tìm kiếm, nắm bắt các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán, hướng đến tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà đầu tư.</del></p> <p><b>Quỹ thực hiện đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của những công ty đầu ngành trong những lĩnh vực đại diện cho nền kinh tế, có quy mô lớn hoặc có lợi thế cạnh tranh khác biệt.</b></p> <p><b>Mục tiêu của Quỹ là mang lại lợi nhuận vượt trội trong trung và dài hạn cho nhà đầu tư, đồng thời tối ưu hóa mối tương quan giữa lợi nhuận và rủi ro thông qua chiến lược quản lý chủ động và xây dựng danh mục đầu tư một cách kỷ luật.</b></p> <p>b) Chiến lược đầu tư</p> <p><del>Chiến lược đầu tư của Quỹ đầu tư VINACAPITAL-VEOF được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa vào phân tích, đánh giá yếu tố kinh tế vĩ mô, yếu tố thị trường và chu kỳ kinh tế. Chiến lược đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VEOF bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào (1) cổ phiếu có vốn hóa lớn, mang tính đại diện cho ngành, nghề trong nền kinh tế; (2) cổ phiếu của các công ty có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong 1 đến 3 năm tới; (3) cổ phiếu đang bị định giá thấp; (4) cổ phiếu có lợi tức cao, ổn định.</del></p> <p><del>Những giai đoạn khác nhau sẽ có những cơ hội đầu tư khác nhau và từ đó chiến lược đầu tư sẽ được thay đổi phù hợp để không bỏ lỡ cơ hội gia tăng lợi nhuận cho Quỹ.</del></p> <p><del>Công ty Quản lý Quỹ và người điều hành Quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế đầu tư và chính sách đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF.</del></p> <p><b>Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, tập trung lựa chọn cổ phiếu của những doanh nghiệp có tiềm năng</b></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp mục tiêu, chiến lược của quỹ và sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch;</li> <li>▪ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</li> </ul> <p>vi. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p>vii. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p>viii. Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>...</p> <p>d) Cơ cấu đầu tư</p> <p>...</p> <p>e) Hạn chế đầu tư</p> <p>Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:</p> <p>...</p> <p>v. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (i), (ii), (iv), (v) và (vi) khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một (1) nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan;</p> <p>vi. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (v) khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này;</p>	<p><b>tăng trường cao và đang được định giá thấp so với giá trị nội tại của doanh nghiệp.</b></p> <p><b>Quỹ tập trung chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty có vốn hóa lớn và vừa, các công ty đầu ngành, có lợi thế cạnh tranh khác biệt trong những lĩnh vực đại diện cho nền kinh tế.</b></p> <p><b>Nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tỷ trọng các ngành nghề và cổ phiếu được điều chỉnh phù hợp với từng chu kỳ kinh tế.</b></p> <p><b>Quỹ kiểm soát rủi ro bằng việc tuân thủ một quy trình đầu tư có kỷ luật, nhằm đạt được mục tiêu đầu tư ở mức rủi ro hợp lý.</b></p> <p>c) Tài sản được phép đầu tư</p> <p>...</p> <p>iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, <b>cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</b></p> <p>v. Cổ phiếu chào bán <b>riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ</b> bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán <b>trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có tín dụng hoặc cam kết mua lại trước hạn</b> của tổ chức phát hành <b>tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt</b></p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>vii. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (ii), (iv), (v) và (vii) khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (1) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;...</p> <p>h) Nguyên tắc, Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ</p> <p><i>i. Nguyên tắc xác định Giá trị tài sản ròng</i></p> <p>...</p> <p>Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định vào các ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Nếu Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định thì Ngày định giá sẽ được dời đến Ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.</p> <p>...</p>	<p><b>mức xếp hạng theo quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá một (01) năm tính đến thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ hai (02) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng một (01) trái phiếu hoặc cùng một (01) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật;</b></p> <p>Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ <b>Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;</b></li> <li>▪ Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch;</li> <li>▪ <b>Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</b></li> <li>▪ <b>Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát;</b></li> <li>▪ <b>Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình.</b></li> </ul>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (v) Khoản 2.c Phần B của Bản Cáo Bạch này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty Quản lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống.</li> </ul> <p>vi. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p><b>Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng các điều kiện sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quỹ đang nắm giữ tối thiểu năm mươi phần trăm (50%) số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;</li> <li>▪ Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ;</li> <li>▪ Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản</li> </ul>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p><b>cơ sở của Quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.</b></p> <p>vii. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p><b>viii. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền; Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.</b></p> <p>...</p> <p>d) Cơ cấu đầu tư</p> <p>...</p> <p><b>Phù hợp với quy định của Pháp Luật và các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch này, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho Quỹ và Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể áp dụng chiến lược đầu tư giá trị và tạm thời đầu tư phần lớn hoặc toàn bộ tài sản của Quỹ vào các loại tài sản an toàn và có mức sinh lời ổn định như tiền và các khoản tương đương tiền và/hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn và/hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đã được đề ra trong Điều Lệ Quỹ và mục tiêu thể hiện trong Bản Cáo Bạch này.</b></p> <p>e) Hạn chế đầu tư</p> <p><b>Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và công bố tại Bản cáo bạch và <del>Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư</del> phải tuân thủ các quy định sau:</b></p> <p>...</p> <p>v. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (i), (ii), (iv), (v), và (vi) <b>và (viii)</b> khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một (01) nhóm</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một (01) công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan; <b>phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của Quý vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;</b></p> <p>vi. Không được đầu tư quá <b>hai mươi mưới</b> phần trăm (240%) tổng giá trị tài sản của Quý vào các tài sản quy định tại điểm (v) khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này, <b>trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ ba (03) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (v) khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, Quý không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quý vào các tài sản quy định tại điểm (v) khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (v) khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;</b></p> <p>vii. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quý không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quý. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quý là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (ii), (iv), (v), và (vii) và (viii) khoản 2c Phần B của Bản Cáo Bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>cùng một (1) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;</p> <p>...</p> <p><b>xii. Không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một (01) mã chứng quyền có bảo đảm.</b></p> <p>...</p> <p>h) Nguyên tắc, Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ</p> <p><i>i. Nguyên tắc xác định Giá trị tài sản ròng</i></p> <p>...</p> <p>Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định vào các ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Nếu Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ, <b>các ngày làm việc bù rơi vào ngày Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật</b> ngày nghỉ bù theo quy định <b>pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ</b> thì Ngày định giá sẽ được dời đến Ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.</p> <p>...</p>	
12.	<p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p>3. Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VEOF</p>	<p>a) Nhà đầu tư</p> <p><i>i. Nhà đầu tư</i></p> <p>Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu. Nhà Đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký. Hạn chế về tỷ lệ nắm</p>	<p>a) Nhà đầu tư</p> <p><i>i. Nhà đầu tư</i></p> <p>Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu. Nhà Đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký. <del>Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà</del></p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định của pháp luật hiện hành từng thời điểm.</p> <p><i>ii. Tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh</i></p> <p>Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, hoặc Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ do VinaCapital và/hoặc Đại lý phân phối, Đại lý ký danh cung cấp:</p> <p>...</p>	<p><del>Đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định của pháp luật hiện hành từng thời điểm.</del></p> <p><i>ii. Tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh</i></p> <p>Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, hoặc Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ do VinaCapital và/hoặc Đại lý phân phối, Đại lý ký danh cung cấp. <b>Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:</b></p> <p>...</p>	
13.	<p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p>4. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ</p>	<p>a) Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VEOF</p> <p>Tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Chứng chỉ quỹ VINACAPITAL-VEOF được giao dịch hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày lễ hay ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, cụ thể là ngày nghỉ Giáng sinh và/hoặc ngày nghỉ du lịch của công ty (Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử, nếu có), nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (02) lần trong một (01) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì ngày giao dịch sẽ là ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.</p> <p>...</p> <p>Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc, kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu Đại lý phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối phải thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá</p>	<p>a) Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VEOF</p> <p>Tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. <b>Ngày giao dịch là ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần</b> Chứng chỉ quỹ VINACAPITAL-VEOF được giao dịch hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần. Nếu Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, <b>các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật</b>, hay ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, cụ thể là ngày nghỉ Giáng sinh và/hoặc ngày nghỉ du lịch của công ty (Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử, nếu có) <b>được thông tin chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ</b>, nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (02) lần trong một (01) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì Ngày giao dịch sẽ là ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.</p> <p>...</p> <p><del>Trước Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc, kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch</del> <b>chứng chỉ quỹ</b>), nếu Đại lý phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch.</p> <p>b) <b>Lệnh mua chứng chỉ quỹ</b></p> <p>i. <b>Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát trong thời hạn quy định. Đại lý ký danh thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Đại lý ký danh;</b></p> <p>ii. <b>Nhà đầu tư/người được Nhà đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà đầu tư được hưởng lợi;</b></p> <p>...</p> <p>Tiền mua Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển vào tài khoản tiền của quỹ VINACAPITAL-VEOF mở tại Ngân hàng Giám sát thì được giải ngân để đầu tư ngay trong ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho Quỹ, tối thiểu bằng lãi suất không kỳ hạn đang áp dụng, kể từ ngày Quỹ nhận được tiền mua Chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư.</p> <p>c) <b>Lệnh bán chứng chỉ quỹ</b></p> <p>...</p> <p>iii. <b>Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư hoặc Đại lý ký danh có liên quan hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định.</b></p> <p>...</p>	<p>thống, Đại lý phân phối phải thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch.</p> <p>b) <b>Lệnh mua chứng chỉ quỹ</b></p> <p>i. <b>Lệnh mua của Nhà đầu tư được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát hoặc Ngân hàng giám sát xác nhận với Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, Đại lý ký danh trong thời hạn quy định. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận;</b></p> <p>...</p> <p>iii. <b>Nhà đầu tư/người được Nhà đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó và giá trị thanh toán của Nhà đầu tư được hưởng lợi;</b></p> <p>...</p> <p>Tiền mua Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển vào tài khoản tiền của quỹ VINACAPITAL-VEOF mở tại Ngân hàng Giám sát thì được giải ngân để đầu tư ngay trong ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho Quỹ, tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đang</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>d) Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.</p> <p>...</p> <p>i.1. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc</p> <p>...</p> <p>- Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.</p> <p>Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các lệnh theo quy định trên đây của Khoản này phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>...</p> <p>iv. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:</p> <p>...</p> <p>- Các trường hợp khác theo yêu cầu của UBCKNN khi xét thấy là cần thiết.</p>	<p>áp dụng, kể từ ngày Quý nhận được tiền mua Chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư.</p> <p>c) Lệnh bán chứng chỉ quỹ</p> <p>...</p> <p>iii. <b>Tiền bán chứng chỉ quỹ được Quý chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại Bản cáo bạch;</b> Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư hoặc Đại lý ký danh có liên quan hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định.</p> <p>...</p> <p>d) Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, <b>mức phòng vệ thanh khoản.</b></p> <p>...</p> <p>i.1. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn <b>hoặc bằng năm mươi phần trăm (540%)</b> Giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc</p> <p>...</p> <p>- Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư <b>và được công bố tại Bản cáo Bạch này.</b></p> <p>Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các lệnh theo quy định trên đây của Khoản này phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>...</p> <p>iv. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:</p> <p>...</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>- Các trường hợp khác theo <b>quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN</b> khi xét thấy là cần thiết.</p> <p>...</p> <p>ix. Khi việc tạm dừng thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại điểm (iv) khoản này chấm dứt, các <b>Lệnh mua, Lệnh bán và Lệnh chuyển đổi đã được nhận trước thời điểm tạm dừng giao dịch sẽ được thực hiện tại Ngày giao dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại và tại mức Giá trị tài sản ròng của Ngày giao dịch đó.</b></p> <p>x. <b>Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:</b></p> <p>- Chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho Quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với Nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội Nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của Quỹ;</p> <p>- <b>Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày giao dịch. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là hai phần trăm (2%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày giao dịch tương ứng. Mức phòng vệ thanh khoản</b></p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối;</p> <p>- Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là một (01) ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty Quản lý Quỹ và thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản;</p> <p>- Công ty Quản lý Quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty Quản lý Quỹ, thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt;</p> <p>- Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.</p>	
14.	<p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p>5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch Đơn vị Quỹ</p>	<p>...</p> <p>c) Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi</p> <p>...</p> <p>Giá mua lại một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại.</p> <p>Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của VinaCapital và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật. Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quỹ</p>	<p>...</p> <p>c) Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi</p> <p>...</p> <p>Giá mua lại một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại. <b>Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.</b></p> <p>Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ chuyển đổi có thể được <b>phép</b> quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ cụ thể được</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch; giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.</p> <p>...</p> <p>Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại Bản Cáo Bạch này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.</p>	<p>công bố trên trang thông tin điện tử của VinaCapital và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật. Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quỹ không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch; giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.</p> <p>...</p> <p>Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức <b>tối đa</b> quy định tại Bản Cáo Bạch này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau <b>ba</b>sáu mươi (360) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.</p> <p><b>Toàn bộ giá dịch vụ phát hành lần sau, giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ còn lại sau khi thanh toán chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối và đại lý ký danh căn cứ trên hợp đồng phân phối, phần còn lại sẽ được chuyển cho Công ty Quản lý Quỹ.</b></p>	
15.	<p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p>6. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả</p>	<p>...</p> <p>(f) Các chi phí hoạt động khác</p> <p>...</p> <p>Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí triệu tập, tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.</p> <p>...</p>	<p>...</p> <p>(f) Các chi phí hoạt động khác</p> <p>...</p> <p>Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí triệu tập, tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ; <b>thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.</b></p> <p>...</p> <p><b>Các chi phí khác liên quan đến Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.</b></p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
16.	IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	<p>a) Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của Quỹ</p> <p>...</p> <p>Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được</p>	<p>a) Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của Quỹ</p> <p>...</p> <p>Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự</p>	Sửa đổi cho phù hợp với

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p>7. Phân chia lợi nhuận và Chính sách thuế</p>	<p>sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.</p> <p>...</p> <p>b) Chính sách Thuế</p> <p>...</p> <p>Bảng tóm tắt sau đây phân thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà đầu tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014, Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006, Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các quy định liên quan khác.</p>	<p><del>chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.</del></p> <p>...</p> <p><b>Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận Quỹ, phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.</b></p> <p><b>Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.</b></p> <p>b) Chính sách Thuế</p> <p>...</p> <p><b>Bảng tóm tắt sau đây phân thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 10 tháng 12 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2026, và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 14 tháng 06 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và các quy định liên quan khác.</b></p> <p><del>Bảng tóm tắt sau đây phân thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà đầu tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định</del></p>	<p>quy định pháp luật.</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung																																																
		<table border="1" data-bbox="416 197 1111 695"> <thead> <tr> <th data-bbox="416 197 600 229">Nhà Đầu Tư</th> <th colspan="3" data-bbox="600 197 1111 229">Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ</th> </tr> <tr> <td data-bbox="416 229 600 261"></td> <th data-bbox="600 229 770 261">Cổ tức</th> <th data-bbox="770 229 940 261">Bán Chứng chỉ quỹ</th> <th data-bbox="940 229 1111 261">Quà tặng/ Thừa kế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="416 261 600 357">Cá nhân cư trú là người Việt Nam</td> <td data-bbox="600 261 770 357">5%<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="770 261 940 357">0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="940 261 1111 357">10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND</td> </tr> <tr> <td data-bbox="416 357 600 453">Cá nhân cư trú là người nước ngoài</td> <td data-bbox="600 357 770 453">5%<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="770 357 940 453">0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="940 357 1111 453">10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND</td> </tr> <tr> <td data-bbox="416 453 600 596">Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)</td> <td data-bbox="600 453 770 596">20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="770 453 940 596">Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> <td data-bbox="940 453 1111 596">Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> </tr> <tr> <td data-bbox="416 596 600 692">Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)</td> <td data-bbox="600 596 770 692">20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="770 596 940 692">0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="940 596 1111 692">0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup></td> </tr> </tbody> </table> <p data-bbox="416 724 448 740">...</p>	Nhà Đầu Tư	Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ				Cổ tức	Bán Chứng chỉ quỹ	Quà tặng/ Thừa kế	Cá nhân cư trú là người Việt Nam	5% <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND	Cá nhân cư trú là người nước ngoài	5% <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND	Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	<p data-bbox="1151 197 1872 437">pháp luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014, Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006, Thông tư 100/2004/TT BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, Thông tư 78/2014/TT BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các quy định liên quan khác.</p> <table border="1" data-bbox="1151 443 1872 1011"> <thead> <tr> <th data-bbox="1151 443 1335 475">Nhà Đầu Tư</th> <th colspan="3" data-bbox="1335 443 1872 475">Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ</th> </tr> <tr> <td data-bbox="1151 475 1335 507"></td> <th data-bbox="1335 475 1505 507">Cổ tức</th> <th data-bbox="1505 475 1675 507">Chuyển nhượng Bán Chứng chỉ quỹ</th> <th data-bbox="1675 475 1872 507">Quà tặng/ Thừa kế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="1151 507 1335 644">Cá nhân cư trú là người Việt Nam</td> <td data-bbox="1335 507 1505 644">2,5% 5%<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="1505 507 1675 644">- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua; 0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup> - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua; miễn thuế<sup>(*)</sup> 0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="1675 507 1872 644">10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1151 644 1335 782">Cá nhân cư trú là người nước ngoài</td> <td data-bbox="1335 644 1505 782">2,5% 5%<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="1505 644 1675 782">- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua; 0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup> - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua; miễn thuế<sup>(*)</sup> 0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="1675 644 1872 782">10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1151 782 1335 919">Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)</td> <td data-bbox="1335 782 1505 919">20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="1505 782 1675 919">Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> <td data-bbox="1675 782 1872 919">Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1151 919 1335 1011">Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)</td> <td data-bbox="1335 919 1505 1011">20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="1505 919 1675 1011">0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup></td> <td data-bbox="1675 919 1872 1011">0,1% giá trị giao dịch<sup>(*)</sup></td> </tr> </tbody> </table>	Nhà Đầu Tư	Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ				Cổ tức	Chuyển nhượng Bán Chứng chỉ quỹ	Quà tặng/ Thừa kế	Cá nhân cư trú là người Việt Nam	2,5% 5% <sup>(*)</sup>	- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua; 0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup> - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua; miễn thuế <sup>(*)</sup> 0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND	Cá nhân cư trú là người nước ngoài	2,5% 5% <sup>(*)</sup>	- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua; 0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup> - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua; miễn thuế <sup>(*)</sup> 0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND	Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	
Nhà Đầu Tư	Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ																																																			
	Cổ tức	Bán Chứng chỉ quỹ	Quà tặng/ Thừa kế																																																	
Cá nhân cư trú là người Việt Nam	5% <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND																																																	
Cá nhân cư trú là người nước ngoài	5% <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VND																																																	
Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%																																																	
Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>																																																	
Nhà Đầu Tư	Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ																																																			
	Cổ tức	Chuyển nhượng Bán Chứng chỉ quỹ	Quà tặng/ Thừa kế																																																	
Cá nhân cư trú là người Việt Nam	2,5% 5% <sup>(*)</sup>	- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua; 0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup> - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua; miễn thuế <sup>(*)</sup> 0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND																																																	
Cá nhân cư trú là người nước ngoài	2,5% 5% <sup>(*)</sup>	- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua; 0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup> - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua; miễn thuế <sup>(*)</sup> 0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 240 triệu VND																																																	
Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được góp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%																																																	
Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>	0,1% giá trị giao dịch <sup>(*)</sup>																																																	
17.	<p data-bbox="165 1027 385 1139">IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p data-bbox="165 1155 385 1219">B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p data-bbox="165 1235 385 1315">8. Đại hội Nhà đầu tư</p>	<p data-bbox="412 1027 1111 1362">a) Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ VINACAPITAL-VEOF và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách chốt quyền tham dự Đại hội đều có quyền tham dự Đại hội Nhà Đầu tư. Đại hội nhà đầu tư thường niên do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.</p>	<p data-bbox="1146 1027 1872 1219">a) Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ VINACAPITAL-VEOF và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách chốt quyền tham dự Đại hội đều có quyền tham dự Đại hội Nhà Đầu tư. <b>Đại hội Nhà đầu tư sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và của pháp luật.</b></p> <p data-bbox="1146 1235 1872 1394"><b>Đại hội Nhà đầu tư thường niên của Quỹ không bắt buộc phải tổ chức. Trường hợp có tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên thì Đại hội nhà đầu tư thường niên do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện</b></p>	<p data-bbox="1904 1027 2074 1171">Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.</p>																																																

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>b) Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ trường hợp quyết định một trong những vấn đề sau: thay đổi cơ bản chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quý; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quý, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quý, Ngân hàng giám sát; chia, tách, sáp nhập Quý, hợp nhất, giải thể Quý, thay đổi thời gian hoạt động của Quý.</p> <p>...</p>	<p>Quý, Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.</p> <p><del>b) Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. trừ trường hợp quyết định một trong những vấn đề sau: thay đổi cơ bản chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quý; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quý, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quý, Ngân hàng giám sát; chia, tách, sáp nhập Quý, hợp nhất, giải thể Quý, thay đổi thời gian hoạt động của Quý.</del></p> <p>...</p>	
18.	<p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p>9. Ban đại diện Quỹ</p>	<p>a) Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến mười một (11) thành viên trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là năm (05) năm, các thành viên Ban Đại diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn. Ban đại diện nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc. Đại hội Nhà Đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.</p> <p>...</p>	<p>a) Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến mười một (11) thành viên trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là <b>không quá</b> năm (05) năm, các thành viên Ban Đại diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn. Ban đại diện nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc. Đại hội Nhà Đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.</p> <p>...</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
19.	<p>IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ</p> <p>B. Điều lệ Quỹ tóm tắt</p> <p>10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn</p>	<p>Tiêu chí lựa chọn, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ được quy định chi tiết tại Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF.</p>	<p>Tiêu chí lựa chọn, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ được quy định chi tiết tại <b>Chương VI</b>, Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF.</p>	Sửa đổi cho phù hợp

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	và nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ			
20.	IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ B. Điều lệ Quỹ tóm tắt 11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát	Tiêu chí lựa chọn, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định chi tiết tại Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF.	Tiêu chí lựa chọn, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định chi tiết tại <b>Chương VII</b> , Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF.	Sửa đổi cho phù hợp
21.	IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ B. Điều lệ Quỹ tóm tắt 12. Kiểm toán, Kế toán và Chế độ báo cáo	a) Công ty kiểm toán Hàng năm Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán thỏa mãn điều kiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF cho Ban Đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội Nhà Đầu tư để ký hợp đồng kiểm toán. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện được quy định chi tiết tại Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF. ...	a) Công ty kiểm toán <del>Hàng năm Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán</del> <b>có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để trình Đại hội Nhà đầu tư xem xét và lựa chọn thỏa mãn điều kiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF</b> <del>cho Ban Đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội Nhà Đầu tư để ký hợp đồng kiểm toán. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện được quy định chi tiết tại Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF.</del> ...	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
22.	X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ A. Cơ sở pháp lý	- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;	- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 <b>đã được</b> Quốc hội <b>nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b> thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, <b>các văn bản sửa đổi bổ sung</b> Luật Doanh Nghiệp; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 <del>do</del> <b>đã được</b> Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam <del>ban hành</del> <b>thông</b>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>- Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>...</p> <p>...</p>	<p>qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>- Luật số 56/2024/QH15 <del>do</del> <b>đã được</b> Quốc hội <b>nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b> thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 <b>của Chính Phủ</b> quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>...</p> <p>- <b>Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025</b> sửa đổi, bổ sung một số điều của <b>Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ</b> quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;</p> <p>...</p> <p>- Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;</p> <p>...</p> <p>- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;</p> <p>- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;</p> <p>...</p> <p>- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;</p> <p>...</p>	
23.	<p>X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</p> <p>B. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ</p>	<p>2. Tần suất, ngày và thời điểm giao dịch</p> <p>...</p> <p>"Ngày giao dịch (ngày T)": từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, cụ thể là ngày nghỉ Giáng sinh và/hoặc ngày nghỉ du lịch của công ty (Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử, nếu có), nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (2) lần trong một (1) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.</p>	<p>2. Tần suất, ngày và thời điểm giao dịch</p> <p>...</p> <p>"Ngày giao dịch (ngày T)": từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, <b>các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật</b>, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, <del>cụ thể là ngày nghỉ Giáng sinh và/hoặc ngày nghỉ du lịch của công ty (Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử, nếu có),</del> nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (2) lần trong một (1) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. <b>Trong</b></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>4. Thời điểm đóng sổ lệnh Thời điểm đóng sổ lệnh là 14 giờ 40 phút (giờ Việt Nam) ngày T-1 của kỳ giao dịch. Trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ bù ngày lễ theo quy định pháp luật và/ hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có), nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (2) lần trong một (1) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì thời điểm đóng sổ lệnh là ngày làm việc liền kề trước ngày đóng sổ lệnh.</p> <p>...</p> <p>8. Thời gian thanh toán cho Nhà đầu tư Số tiền thu được từ lệnh bán thành công, sau khi trừ phí chuyển tiền và thuế (nếu có) sẽ được chuyển trả vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Đối với các lệnh bán để chuyển đổi chứng chỉ quỹ quy định tại Điều 10, Phần B, Chương X của Bản cáo bạch này, để đảm bảo Lệnh Bán – chuyển đổi và Mua – chuyển đổi được thực hiện lần lượt theo thứ tự tại hai kỳ giao dịch kế tiếp nhau, các lệnh bán – chuyển đổi có thể được thực hiện thanh toán sớm hơn so với lệnh bán thông thường cùng kỳ giao dịch nhằm đáp ứng các quy định liên quan đến trình tự và thủ tục giao dịch của quỹ mục tiêu.</p> <p>...</p> <p>11. Tạm ngừng giao dịch</p> <p>...</p> <p>iii. Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xét thấy là cần thiết.</p> <p>...</p>	<p><b>những trường hợp trên, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và luôn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (02) lần trong một (01) tháng.</b></p> <p>...</p> <p>4. Thời điểm đóng sổ lệnh Thời điểm đóng sổ lệnh là 14 giờ 40 phút (giờ Việt Nam) ngày T-1 của kỳ giao dịch. Trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày <b>nghỉ lễ, các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật</b>, <del>hoặc</del> ngày nghỉ bù ngày lễ theo quy định pháp luật và/ hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) <b>được thông tin chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ</b>, nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (2) lần trong một (1) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì thời điểm đóng sổ lệnh là ngày làm việc liền kề trước ngày đóng sổ lệnh <b>thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó.</b></p> <p>...</p> <p>8. Thời gian thanh toán cho Nhà đầu tư Số tiền thu được từ lệnh bán thành công, sau khi trừ phí chuyển tiền và thuế (nếu có) sẽ được chuyển trả vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, <b>Đại Lý Ký Danh đã đăng ký</b> hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định <b>hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định</b> trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. <b>Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.</b> <del>Đối với các lệnh bán để chuyển đổi chứng chỉ quỹ quy định tại Điều 10, Phần B, Chương X của Bản cáo bạch này, để đảm bảo Lệnh Bán – chuyển đổi và Mua – chuyển đổi được thực hiện lần lượt theo thứ tự tại hai kỳ giao dịch kế tiếp nhau, các lệnh bán – chuyển đổi có thể được thực hiện thanh toán</del></p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>sớm hơn so với lệnh bán thông thường cùng kỳ giao dịch nhằm đáp ứng các quy định liên quan đến trình tự và thủ tục giao dịch của quỹ mục tiêu.</p> <p>...</p> <p>11. Tạm ngừng giao dịch</p> <p>...</p> <p>iii. <b>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc</b> Theo yêu cầu của UBCKNN khi xét thấy là cần thiết.</p> <p>...</p>	
24.	<p>X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỠ</p> <p>C. Công bố Giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch</p>	<p>1. Phương pháp và thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng</p> <p>Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.</p> <p>...</p>	<p>1. Phương pháp và thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng</p> <p>Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định <b>vào các ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ</b> hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.</p> <p>...</p>	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động
25.	<p>X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỠ</p> <p>D. Các chương trình đầu tư</p>	<p>1. Chương trình đầu tư linh hoạt</p> <p>...</p> <p>2. Chương trình đầu tư định kỳ</p> <p>...</p> <p>3. Chương trình phúc lợi tiết kiệm đầu tư dài hạn (<i>VinaCapital Long-term Savings scheme - VinaLTS</i>)</p> <p>a) Giới thiệu chung</p> <p>Chương trình phúc lợi tiết kiệm đầu tư dài hạn là một giải pháp tích lũy tài chính có hệ thống, được thiết kế riêng cho doanh nghiệp và người lao động cùng tham gia như một phần của chính sách phúc lợi bền vững.</p> <p>...</p> <p>b) Cách thức xác định mức giá dịch vụ áp dụng</p> <p>Mức giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với chương trình VinaLTS tối đa là 2%.</p> <p>...</p>	<p>1. Chương trình đầu tư linh hoạt (<b>VinaFlex</b>)</p> <p>...</p> <p>2. Chương trình đầu tư định kỳ (<b>VinaSip</b>)</p> <p>...</p> <p>3. Chương trình phúc lợi tiết kiệm đầu tư dài hạn (<i>VinaCapital WealthBuilder Long-term Savings scheme - VinaLTS</i>)</p> <p>a) Giới thiệu chung</p> <p>Chương trình phúc lợi tiết kiệm đầu tư dài hạn (<b>VinaCapital WealthBuilder</b>) là một giải pháp tích lũy tài chính có hệ thống, được thiết kế riêng cho doanh nghiệp và người lao động cùng tham gia như một phần của chính sách phúc lợi bền vững.</p> <p>...</p> <p>b) Cách thức xác định mức giá dịch vụ áp dụng</p> <p>Mức giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với chương trình <b>VinaCapital WealthBuilder LTS</b> tối đa là 2%.</p> <p>...</p>	Cập nhật chương trình đầu tư

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
26.	XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	Phụ lục số 1: Quy trình và hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Phụ lục số 2: Danh sách các Đại Lý phân phối Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VEOF. Phụ lục số 3: Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ VINACAPITAL-VEOF.	Phụ lục số 1: Quy trình và hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Phụ lục số 2: Danh sách các Đại Lý phân phối Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VEOF. Phụ lục số 3: Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ VINACAPITAL-VEOF. <b>Phụ lục số 4: Chính sách áp dụng mức phòng vệ thanh khoản</b>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
27.	ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	<p>ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL</p> <p>BROOK COLIN TAYLOR TỔNG GIÁM ĐỐC</p>	<p>ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT (kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p> <p>ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p> <p>BROOK COLIN TAYLOR TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p> <p>NGUYỄN HOÀI THU CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
28.	Phụ lục số 1: Quy trình và hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ.	<p>... I. Giao dịch mua chứng chỉ quỹ 1. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản</p> <p>... <i>* Đối với Nhà đầu tư là cá nhân Việt Nam, chỉ chấp nhận Căn cước (Công dân) có gắn chip có thời hạn còn lại ít nhất sáu (06) tháng..</i></p> <p>... 6. Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ</p> <p>...</p>	<p>... I. Giao dịch mua chứng chỉ quỹ 1. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản</p> <p>... <i>* Đối với Nhà đầu tư là cá nhân Việt Nam, chỉ chấp nhận Căn cước (Công dân) có gắn chip có thời hạn còn lại ít nhất sáu (06) tháng còn hiệu lực.</i></p> <p>... 6. Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ</p> <p>...</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định.</p> <p>...</p>	<p><b>Tiền bán chứng chỉ quỹ được Quý chuyên khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại Bản Cáo Bạch.</b> Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định.</p> <p>...</p>	
29.	Phụ lục số 2: Danh sách các Đại Lý phân phối Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VEOF.	<p>1. Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (84-28) 3827 8535 Fax: (84-28) 3827 8536</p> <p>2. Công ty Cổ phần Fincorp (Fincorp) Địa chỉ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (84-28) 3636 1079 Fax: (84-28) 3636 1078</p> <p>3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84-28) 3910 2222 Fax: (84-28) 3910 7222</p> <p>4. Công ty Cổ phần Chứng khoán Finhay Địa chỉ: Phòng 702, tầng 7, toà nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (84-24) 777 789 96</p> <p>5. Công ty Cổ phần Digi Invest Địa chỉ: Tầng 2, tòa Golden West, số 2 đường Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 0878 805 836</p> <p>6. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương</p>	<p>1. Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (84 - 28) 3827 8535 Fax: (84 - 28) 3827 8536 <b>Email: <a href="mailto:irwm@vinacapital.com">irwm@vinacapital.com</a></b> <b>Website: <a href="https://mio.vinacapital.com">https://mio.vinacapital.com</a></b> <b>Ứng dụng: VinaCapital MiO</b></p> <p>2. Công ty Cổ phần Fincorp (Fincorp) Địa chỉ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (84-28) 3636 1079 Fax: (84-28) 3636 1078 <b>Website: <a href="https://fmarket.vn">https://fmarket.vn</a></b> <b>Ứng dụng: fmarket</b></p> <p>3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84-28) 3910 2222 Fax: (84-28) 3910 7222 <b>Ứng dụng: Mstock</b></p> <p>4. Công ty Cổ phần Chứng khoán Finhay Địa chỉ: Phòng 702, tầng 7, toà nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <b>Ứng dụng: Finhay</b></p>	<p>Cập nhật địa chỉ, website và ứng dụng của đại lý phân phối</p> <p>Cập nhật thêm đại lý phân phối</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (024) 3944 6368</p> <p>7. Công ty Cổ phần Chứng Khoán VPBank Địa chỉ: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, Số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 1900636679</p> <p>8. Công ty Cổ phần InvestingPro Địa chỉ: SVP.313, Tầng 03, Tòa nhà The Golden Palm, số 21 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 0367 487 082</p> <p>9. Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (84-24) 397 245 68</p> <p>10. Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) Địa chỉ: P9-10, Tầng 1, Charm Vit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: (84-24) 357 300 73</p> <p>11. Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt Địa chỉ: Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (84-28) 6299 2006</p>	<p>5. Công ty Cổ phần Digi Invest Địa chỉ: Tầng 2, tòa Golden West, số 2 đường Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 0878 805 836 <b>Ứng dụng: Digi Trading</b></p> <p>6. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (024) 3944 6368 <b>Website: <a href="https://www.tcbs.com.vn/">https://www.tcbs.com.vn/</a></b> <b>Ứng dụng: TCInvest</b></p> <p>7. Công ty Cổ phần Chứng Khoán VPBank Địa chỉ: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, Số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 1900636679 <b>Website: <a href="https://neoinvest.vpbanks.com.vn/">https://neoinvest.vpbanks.com.vn/</a></b> <b>Ứng dụng: VPBank Securities - NEO Invest</b></p> <p>8. Công ty Cổ phần InvestingPro Địa chỉ: <b>Số 46, Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</b> <del>SVP.313, Tầng 03, Tòa nhà The Golden Palm, số 21 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</del> Điện thoại: 0367 487 082 <b>Website: <a href="https://trade.investingpro.vn/invest/">https://trade.investingpro.vn/invest/</a></b> <b>Ứng dụng: InvestingPro</b></p> <p>9. Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (84-24) 397 245 68 <b>Website: <a href="https://www.vndirect.com.vn/">https://www.vndirect.com.vn/</a></b></p> <p>10. Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Địa chỉ: P9-10, Tầng 1, Charm Vit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: (84-24) 357 300 73 <b>Website: <a href="https://iweb.gtjai.com.vn/">https://iweb.gtjai.com.vn/</a> <a href="https://trading.gtjai.com.vn/">https://trading.gtjai.com.vn/</a> <a href="https://webtrading.gtjai.com.vn/">https://webtrading.gtjai.com.vn/</a></b> <b>Ứng dụng: GTJAS Mobile</b></p> <p>11. Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt Địa chỉ: Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (84-28) 6299 2006 <b>Ứng dụng: iDragon</b></p> <p>12. Công ty Cổ phần Chứng khoán CV Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (84-28) 7303 8008 <b>Ứng dụng: Chứng chỉ Quỹ CVS</b></p>	
30.	Phụ lục số 3: Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ VINACAPITAL-VEOF.	Tiền (VNĐ) Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.	Tiền (VNĐ) Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
31.		Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá	
32.		Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu, hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ chấp thuận và thời gian nắm giữ công cụ.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác Giá yết <b>bình quân</b> trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào <b>lãi suất trúng thầu, hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ chấp thuận</b> và thời gian nắm giữ công cụ.	
33.		Trái phiếu niêm yết Được xác định theo giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao	Trái phiếu niêm yết, <b>Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán</b>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc</li> <li>• Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá</li> </ul> <p>thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện quỹ phê duyệt.</p>	<p>Được xác định theo <b>Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright)</b> trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc</li> <li>• Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá</li> </ul> <p>thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện quỹ phê duyệt.</p> <p><b>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá thị trường có biến động bất thường vượt quá +/- 0,3% so với giá mua bình quân gia quyền của trái phiếu đó, giá trái phiếu là một trong các mức giá sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>(i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</b></li> <li><b>(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</b></li> <li><b>(iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</b></li> </ul>	
34.		<p>Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên và Trái phiếu hủy niêm yết</p> <p>Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá</p>	<p>Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có ngày giao dịch đầu tiên, <b>áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch và Trái phiếu hủy niêm yết</b></p> <p>Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá</p> <p><b>Giá trái phiếu được xác định là một trong các mức giá sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>(i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</b></li> <li><b>(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</b></li> <li><b>(iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</b></li> </ul>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
35.			Trái phiếu bị huỷ niêm yết theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán do gần đến ngày đáo hạn hoặc do tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước ngày đáo hạn (đáo hạn sớm), áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Giá trái phiếu sẽ được xác định là mệnh giá cộng lãi lũy kế.	
36.			Trái phiếu bị huỷ niêm yết hoặc huỷ đăng ký giao dịch vì các lý do khác, áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện quý chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.	
37.		Trái phiếu không niêm yết Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết quy định tại sổ tay định giá: (i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc (ii) Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.	Trái phiếu không niêm yết Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết <b>thứ tự ưu tiên được</b> quy định tại sổ tay định giá: (i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi <b>lũy kế</b> suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc (ii) Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban <b>Đại Diện Quý</b> chấp thuận.	
38.		Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, <b>cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết</b> cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom Được xác định theo giá thị trường, là <b>g</b> Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày <del>có</del> giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn <b>mười lăm (15)</b> ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>theo một trong các phương pháp sau với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	<p>xác định theo một trong các <del>phương pháp</del> <b>mức giá</b> sau với <del>thứ tự ưu tiên</del> được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá <b>trị sổ sách</b> mua; hoặc</p> <p>(iii) Giá trị <b>muasổ sách</b>; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	
39.			<p><b>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch</b></p> <p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
40.		<p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p> <p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá; hoặc</p>	<p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch <b>không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</b></p> <p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.	(ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.	
41.			<b>Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</b> <b>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</b> <b>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau với quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</b> <b>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc</b> <b>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</b> <b>(iii) Giá mua; hoặc</b> <b>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</b>	
42.		Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.	<del>Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</del>	
43.		Cổ phần, phần vốn góp khác Giá thị trường là giá trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được	Cổ phần, phần vốn góp khác Giá thị trường là giá trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch <b>thực hiện thành công</b> trong kỳ) <b>tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá</b> của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và được Ban đại diện <b>q</b> Quỹ phê duyệt <del>tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</del> Trường hợp	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>xác định theo một trong các phương pháp sau với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	<p>không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p><b>(i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc</b></p> <p>(ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</p> <p>(iii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	
44.		<p>Quyền mua cổ phiếu</p> <p>Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi</p>	<p>Quyền mua cổ phiếu</p> <p><del>Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi</del></p> <p><b>Giá trị quyền mua cổ phiếu là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện</b></p>	
		<p>Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết</p> <p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc;</li> <li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày định giá hoặc;</li> <li>- Giá mua; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> </ul>	<p>Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết</p> <p><del>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</del></p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn <b>mười lăm (15)</b> ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ <b>Quỹ</b> được công bố thông tin <b>trên trang thông tin của UBCKNN hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ</b> tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc;</li> <li><del>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày định giá hoặc;</del></li> <li>- Giá mua; hoặc</li> <li><del>Giá trị sổ sách; hoặc</del></li> </ul>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	
45.			<b>Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</b> <b>Là một trong các mức giá sau:</b> <b>(i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</b> <b>(ii) Giá mua; hoặc</b> <b>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</b>	
46.		Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá	Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. <b>Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</b>	
47.			<b>Chứng quyền có bảo đảm</b> <b>Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán</b> <b>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</b> <b>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</b>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
48.		<p>Các tài sản được phép đầu tư khác</p> <p>Giá thị trường là giá trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	<p>Các tài sản được phép đầu tư khác</p> <p>Giá thị trường là giá trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch <b>thực hiện thành công trong kỳ</b>) của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
49.		<p>Ghi chú:</p> <p>...</p> <p>(iv) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo.</p> <p>...</p>	<p>Ghi chú:</p> <p>...</p> <p>(iv) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF <b>Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam...</b>) để tham khảo.</p> <p>...</p>	
50.	Phụ lục số 4		<p>Phụ lục số 4: Chính sách áp dụng mức phòng vệ thanh khoản</p> <p>Chính sách này thiết lập khung quản trị, điều kiện kích hoạt, cơ sở tính toán, đánh giá và triển khai, quy định công bố thông tin và trách nhiệm liên quan đến Mức phòng vệ thanh khoản áp dụng cho Quỹ VINACAPITAL-VEOF.</p> <p>Mức phòng vệ thanh khoản là biện pháp ngoại lệ và tạm thời, chỉ được áp dụng khi nhà đầu tư thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ trong các trường hợp căng thẳng thanh khoản nghiêm trọng do nguyên nhân bất khả kháng, nhằm bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ và đảm bảo sự công bằng giữa tất cả nhà đầu tư.</p> <p>Điều kiện kích hoạt</p>	Bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Mức phòng vệ thanh khoản chỉ được áp dụng khi Quý gặp tình trạng tính thanh khoản bị sụt giảm nghiêm trọng do nguyên nhân bất khả kháng và các biện pháp quản lý thanh khoản thông thường (như đáp ứng một phần lệnh bán của nhà đầu tư hoặc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ) không đủ hoặc không hiệu quả để bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư còn lại.</p> <p>Các tình huống điển hình, nhưng không giới hạn, có thể dẫn đến việc xem xét áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút vốn ròng đột ngột và quy mô lớn vượt xa khả năng thanh khoản thông thường của Quý, dẫn đến không thể đáp ứng lệnh bán của nhà đầu tư mà không phải bán tháo tài sản với mức chiết khấu rất cao; hoặc</li> <li>- Gặp khó khăn nghiêm trọng hoặc không thể thanh khoản hóa tài sản danh mục ở mức giá trị hợp lý hoặc gần hợp lý trong thời gian hợp lý, dẫn đến gây thiệt hại đáng kể cho các nhà đầu tư còn lại; hoặc</li> <li>- Khủng hoảng thị trường toàn diện, tạm ngừng giao dịch kéo dài đối với các lớp tài sản chính, sự cố hệ thống tại ngân hàng giám sát hoặc trung tâm thanh toán, thiên tai, sự kiện chính trị hoặc các sự kiện bất khả kháng khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng hoạt động bình thường của Quý; hoặc</li> <li>- Các tình huống căng thẳng thanh khoản khác có thể xác minh khách quan, được Công ty quản lý quỹ đánh giá là đáp ứng tiêu chí bất khả kháng và được Ban đại diện quỹ hoặc Đại hội nhà đầu tư phê duyệt.</li> </ul> <p>Thông số và Cơ sở tính toán</p> <p>a) Cơ sở tính toán và Mức phòng vệ thanh khoản tối đa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch. Trong trường hợp Quý áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mua lại chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm Mức phòng vệ thanh khoản</li> </ul>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>- Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là hai phần trăm (2%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch tương ứng.</p> <p>b) Ghi nhận kế toán số tiền thu được từ Mức phòng vệ thanh khoản:</p> <p>Toàn bộ số tiền thu được từ Mức phòng vệ thanh khoản phải được hạch toán vào thu nhập của Quỹ.</p> <p><b>Đánh giá và Triển khai</b></p> <p>Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể sẽ được xác định theo từng trường hợp và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Thời điểm áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản là một (01) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Công ty quản lý quỹ và thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản.</p> <p>Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ đánh giá và quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định tại Chính sách này;</li> <li>- Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể theo từng trường hợp;</li> <li>- Việc chấm dứt áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản cho từng trường hợp cụ thể.</li> </ul> <p>Công ty quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty quản lý quỹ, thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt.</p> <p>Xem xét và cập nhật Chính sách</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			Chính sách này được xem xét và cập nhật trong các trường hợp sau: - Khi có thay đổi đáng kể về điều kiện thị trường hoặc mô hình căng thẳng thanh khoản; - Sau mỗi lần áp dụng cơ chế (đánh giá sau sự kiện); - Khi có thay đổi quan trọng về pháp luật, quy định pháp lý hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý.	

- Ngày bắt đầu có hiệu lực: 02/07/2026 (15 ngày kể từ ngày nộp Bản Cáo Bạch cập nhật cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và không nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản).

- Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

**Hồ sơ kèm theo:**

(Liệt kê đầy đủ)

- Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital  
 Tổng Giám Đốc

S.G.P.  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 QUẢN LÝ QUỸ  
 VINACAPITAL  
 QUẬN 1 - T.P.HỒ CHÍ MINH

Brook Colin Taylor

P  
 H  
 M  
 I  
 N  
 H